

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO Chuyên khoa II chuyên ngành Nội khoa cập nhật năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa II chuyên ngành Nội khoa cập nhật năm 2022 (kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *kh*

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA II CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 266/QĐ-ĐHYD ngày 15 tháng 2 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa II chuyên ngành Nội khoa*
 - Tên tiếng Anh: *The Second Level Specialist in Internal Medicine*
4. Thông tin về kiểm định: *Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: *CKII*
6. Ngành đào tạo: *Nội khoa*
7. Mã ngành đào tạo: *CK 62 72 20 40*
8. Thời gian đào tạo: *2 năm*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng việt*
10. Hình thức đào tạo: *Tập trung*
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa II chuyên ngành Nội khoa*
 - Tên tiếng Anh: *The Second Level Specialist in Internal Medicine*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục Đại học</i>
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng thành thạo kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành, phương pháp luận nghiên cứu khoa học và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x	x	x

II. Kỹ năng				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên sâu về khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, tư vấn các bệnh nhân mắc bệnh nội khoa một cách chính xác, hợp lý, an toàn, hiệu quả.	x	x	x
PEO 3	Tham gia tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động chuyên môn. Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.	x	x	x
PEO 4	Làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển. Suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo	x	x	x
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Chủ động đưa ra những sáng kiến cải tiến, phán quyết và ra quyết định mang tính chuyên gia trong chuyên ngành nội khoa. Chủ động thích ứng với môi trường thay đổi; không ngừng học tập, nghiên cứu, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.	x	x	x

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Ngay khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức phương pháp giảng dạy lâm sàng, tin học ứng dụng, phương pháp nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp	x	

PLO 2	Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu về cơ sở ngành và chuyên ngành để giải thích và ra quyết định đúng đắn, có tính thuyết phục cao trong chẩn đoán, điều trị, làm thủ thuật, tiên lượng, tư vấn các bệnh nội khoa.		x
II. Kỹ Năng			
PLO 3	Khám và thực hiện thành thạo thủ thuật nội khoa đảm bảo an toàn và hiệu quả		x
PLO4	Chỉ định và phân tích thành thạo các xét nghiệm, thăm dò chuyên sâu cho bệnh nhân mắc bệnh nội khoa.		x
PLO 5	Chẩn đoán và tiên lượng đúng, kịp thời, có cách lập luận đạt sức thuyết phục cao đối với bệnh nhân mắc bệnh nội khoa, cấp cứu nội khoa.		x
PLO 6	Ra quyết định đúng, kịp thời về phương pháp điều trị, cách xử trí cấp cứu ban đầu; kê đơn đảm bảo đúng phác đồ, liều lượng, an toàn, phù hợp và hiệu quả cho bệnh nhân mắc bệnh nội khoa và cấp cứu nội khoa.		x
PLO 7	Tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn trong quá trình hành nghề	x	
PLO 8	Tham gia tổ chức, quản trị, quản lý các hoạt động nghề nghiệp	x	
PLO 9	Thực hiện thành thạo kỹ năng viết đề cương, thu thập, phân tích, trình bày kết quả nghiên cứu khoa học	x	
III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 10	Chủ động đưa ra những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong vận hành và cải tiến hoạt động chuyên ngành nội khoa. Ra quyết định mang tính chuyên gia.		x

PLO 11	Thích ứng với môi trường làm việc thay đổi, tự định hướng và dẫn dắt những người khác trong quá trình thực hành nghề nghiệp.	x	
PLO 12	Chủ động học tập, nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong thực hành và phát triển nghề nghiệp	x	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
PEO 1	x	x										
PEO 2			x	x	x	x						
PEO 3								x				
PEO 4							x		x			
PEO 5										x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp (thông báo số 645/TB – ĐHYD, ngày 06/5/2021)

1. Thông tin tuyển sinh

* Thông tin chung

- Đủ sức khỏe

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Không giới hạn tuổi dự thi

- Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời gian quy định

* Điều kiện chuyên môn

Có bằng CK1, BSNT, hoặc thạc sĩ chuyên ngành nội

* Thâm niên: Sau khi tốt nghiệp CK1, BSNT hoặc sau tốt nghiệp thạc sĩ 36 tháng

Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh nội khoa

* Chế độ ưu tiên:

- Người công tác liên tục ít nhất 2 năm tại xã thuộc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn ở các địa phương miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo.

- Con liệt sĩ

(Mỗi thí sinh chỉ được hưởng 1 diện ưu tiên)

Thí sinh được công thêm 1 điểm cho môn ngoại ngữ

*Điều kiện trúng tuyển: Thí sinh có điểm đạt ở tất cả các môn thi (bao gồm cả môn ngoại ngữ), sẽ được xếp theo thứ tự tổng điểm môn chuyên ngành và môn cơ sở (không tính môn ngoại ngữ) từ cao xuống thấp theo ngành/chuyên ngành dự thi sẽ được xét trúng tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu theo ngành/ chuyên ngành đã được phê duyệt)

Trường hợp có tổng điểm bằng nhau: điểm chuyên ngành bằng nhau, xét trúng tuyển với thí sinh có ưu tiên ngoại ngữ hoặc điểm thi ngoại ngữ cao hơn

2. Điều kiện tốt nghiệp

Hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo

Hoàn thành nghĩa vụ tài chính

Không bị kỷ luật, truy cứu trách nhiệm hình sự

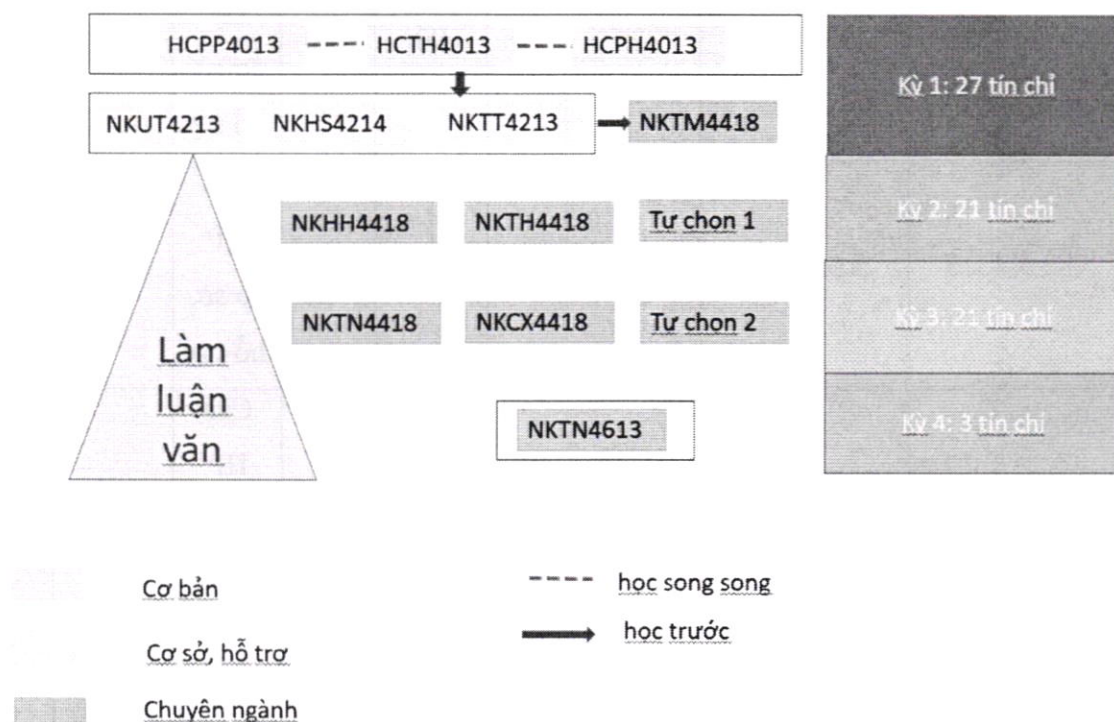
VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I	Khối kiến thức cơ bản: 9 (11,25%)									
1.1	Học phần/module bắt buộc:									
1	HCPP4013	Phương pháp sư phạm y học	3 (2/1)	30	30	90				I
2	HCTH4013	Tin học ứng dụng	3 (1/2)	15	60	75				I
3	HCPH4013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90				I
II	Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ: 10 tín chỉ (14,3%)									

2.1	Học phân/module bắt buộc:									
4	NKUT4213	Ung thư - GPB	3 (1/2)	15	60	75				I
5	NKHS4214	Hồi sức cấp cứu	4 (2/2)	30	60	110				I
6	NKTT4213	Tâm thần	3 (1/2)	15	60	75				I
III	Khối kiến thức chuyên ngành: 50 tín chỉ (62,5%)									
3.1	Học phân/module bắt buộc: 40 tín chỉ									
7	NKTM4418	Tim mạch	8(3/5)	45	150	205	Các HP cơ sở, hỗ trợ			I
9	NKHH4418	Hô hấp	8(3/5)	45	150	205	Các HP cơ sở, hỗ trợ			II
11	NKTH4418	Tiêu hóa	8(3/5)	45	150	205	Các HP cơ sở, hỗ trợ			II
13	NKTN4418	Tiết niệu	8(3/5)	45	150	205	Các HP cơ sở, hỗ trợ			III
15	NKCX4418	Cơ xương khớp	8(3/5)	45	150	205	Các HP cơ sở, hỗ trợ			III
3.2	Học phân tự chọn: 10 tín chỉ (12,5%) (chọn 2 trong 4 học phần)									
17	NKHO4515	Huyết học	5(2/3)	30	90	130	HP cơ sở, hỗ trợ			II

19	NKNT4515	Nội tiết	5(2/3)	30	90	130	Các HP cơ sở, hỗ trợ			III
21	NKLN4515	Lão khoa	5(2/3)	30	90	130	Các HP cơ sở, hỗ trợ			II
23	NKTK4515	Thần kinh	5(2/3)	30	90	130	Các HP cơ sở, hỗ trợ			II
IV	Tốt nghiệp: 3 tín chỉ (4.3%)									
25	NKTN4613	Tốt nghiệp	3(1/2)	15	60	75	Các HP CN	Các HP CN		IV
V	Luận văn: 8 tín chỉ									
27	NKLV4818	Luận văn	8(0/8)	0	240	160	HCPP 3103	NKTN 4613		II, III, IV
Tổng số			80 (37/43)	555	1290	2105				

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)



VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	HCPP4013	H										H	
2	HCTH4013	H						M		H	M		
3	HCPH4013	H						M		H	H		
4	NKUT4213		H	H	H	H	M					M	H
5	NKHS4214		H	H	H	H	M			H		M	H
6	NKTT4213		H	M	M	M	M					M	H
7	NKTM4418		H	H	H	H	H	M		H	H	H	H
8	NKHH4418		H	H	H	H	H	M		H	H	H	H
9	NKTH4418		H	H	H	H	H	M		H	H	H	H
10	NKTN4418		H	H	H	H	H	M		H	H	H	H
11	NKCX4418		H	H	H	H	H	M		H	H	H	H
12	NKHO4515		H	H	H	H	H	M		H	H	H	H
13	NKNT4515		H	H	H	H	H	M		H	H	H	H
14	NKLLK4515		H	H	H	H	H	M		H	H	H	H

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
15	NKTK4515		H	H	H	H	H	M		H	H	H	H
16	NKTN4613		M	H	H	H	H	M		H	H	H	H
17	NKLV4818		H	H	H	H	H	H	M	H	H		H

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Thuyết trình	x	x											
Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dạy – học bên giường bệnh	x		x	x								x	x
Dạy – học ngoài giường bệnh				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	- Thực hiện thời gian biểu, quy định riêng cơ sở học tập (phòng thí nghiệm, phòng máy tính, bệnh viện...), tính tích cực trong hoạt động nhóm.	10%
Thường xuyên	- Khả năng phân tích, giải thích các vấn đề trong nội dung từng học phần. - Tính tự chủ và chịu trách nhiệm trong thực hiện bài tập, chỉ tiêu.	10%

Đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
	- Khả năng thực hành chẩn đoán, điều trị, tư vấn, làm thủ thuật thuộc các kỹ năng của học phần chuyên ngành.	
Giữa học phần	- Khả năng tổng hợp, phân tích, giải thích các vấn đề trong nội dung từng học phần - Khả năng thực hành chẩn đoán, điều trị, tư vấn, làm thủ thuật cùng với tính chịu trách nhiệm trong thực hành thuộc các kỹ năng của học phần chuyên ngành	30%
Kết thúc học phần/module	- Khả năng tổng hợp, phân tích, giải thích, vận dụng, tự học để giải quyết 1 vấn đề trong nội dung từng học phần bằng hình thức chuyên đề - Khả năng vận dụng các học phần sơ sở và hỗ trợ ngành cùng học phần chuyên ngành trong việc thực hành chẩn đoán, điều trị, tư vấn bệnh nhân có bệnh lý thuộc chương trình chuyên ngành.	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trắc nghiệm	x	x										
Tự luận	x	x										
Vấn đáp chấm tiểu luận chuyên đề, luận văn	x	x							x	x	x	x
Vấn đáp trên bệnh nhân, bệnh án			x	x	x	x	x	x		x		x
Chấm chỉ tiêu thực hành			x	x	x	x				x	x	x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHYD Huế		Trường ĐHYD	
	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	12	12,0	9	11,2
Kiến thức cơ sở và hỗ trợ	12	12,0	10	12,5
Kiến thức chuyên ngành	54	54,0	40	50,0
Tự chọn		0,0	10	12,5
Tốt nghiệp	0	0,0	3	3,8
Luận văn	22	22,0	8	10,0
Tổng	100	100	80	100

XII. Mô tả tóm tắt các học phần thuộc chương trình đào tạo

1. Phương pháp sư phạm y học

Học phần Phương pháp sư phạm y học thuộc khối kiến thức chung, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức cần thiết để có thể vận dụng vào việc viết và thực hiện mục tiêu, kế hoạch, nội dung bài giảng, công cụ lượng giá và lượng giá người học. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình kết hợp thảo luận. Các phương pháp lượng giá người học là phương pháp trắc nghiệm và chấm bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 1 và số 11 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

2. Tin học ứng dụng

Học phần tin học ứng dụng thuộc khối kiến thức chung, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin để học tập, nghiên cứu khoa học và báo cáo thuyết trình. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá người học bao gồm chấm bài tập nhóm, chấm tiểu luận, luận văn. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 1 và 9 ở mức độ cao, số 7, 10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

3. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp luận nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức chung, học ở học kỳ I của CTĐT, Học phần này sẽ trang bị cho người học năng lực cần thiết để thực hiện việc nghiên cứu khoa học. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá người học bao gồm chấm bài tập nhóm, chấm tiểu luận, luận văn. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 1, 9, 10 ở mức độ cao, số 7 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

4. Ung thư - Giải phẫu bệnh

Học phần ung thư – giải phẫu bệnh thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này giúp người học củng cố, nâng cao năng lực chẩn đoán một số bệnh ung thư thường gặp, đặc biệt giúp người học có khả năng chẩn đoán sớm ung thư, phân biệt ung thư với các bệnh lý nội khoa. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm và giảng dạy bên giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, vấn đáp chuyên đề và vấn đáp bệnh án theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2,3,4,5,12 ở mức độ cao; số 6, số 11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

5. Hồi sức cấp cứu

Học phần hồi sức cấp cứu thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này giúp người học nâng cao năng lực chẩn đoán, xử trí các cấp cứu nội khoa, đặc biệt các cấp cứu ở bệnh nhân có bệnh nội khoa phức tạp. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá người học bao gồm là phương pháp trắc nghiệm, vấn đáp chuyên đề và vấn đáp bệnh án, quan sát thực hiện kỹ năng dựa theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2,3,4,5, 9, 12 ở mức độ cao; số 6,11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo

6. Tâm thần

Học phần tâm thần thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao năng lực cho người học trong việc chẩn đoán các rối loạn tâm thần xuất hiện trong bệnh lý nội khoa. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, vấn đáp chuyên đề và vấn

đáp bệnh án dựa theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2, 12 ở mức độ cao; 3,4,5,6, 11 mức trung bình của chương trình đào tạo

7. Tim mạch

Học phần tim mạch thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. học phần có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy- học song song với nhau. Học phần này sẽ giúp người học bổ xung, cập nhật kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh lý tim mạch một cách toàn diện, kể cả bệnh lý tim mạch phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học lý thuyết thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá lý thuyết là trắc nghiệm, vấn đáp chuyên đề. Phương pháp dạy - học thực hành là dạy bên giường bệnh và thảo luận ngoài giường bệnh, lượng giá thực hành bằng phương vấn đáp trên bệnh án dựa theo bảng kiểm, Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2, 3,4,5,6, 9,10, 11, 12 ở mức độ cao; số 7 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

8. Hô hấp

Học phần hô hấp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. học phần có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy- học song song với nhau. Học phần này sẽ giúp người học bổ xung, cập nhật kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh lý hô hấp một cách toàn diện, kể cả bệnh lý hô hấp phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học lý thuyết thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá lý thuyết là trắc nghiệm, vấn đáp chuyên đề. Phương pháp dạy - học thực hành là dạy bên giường bệnh và thảo luận ngoài giường bệnh, lượng giá thực hành bằng phương vấn đáp trên bệnh án dựa theo bảng kiểm, Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2, 3,4,5,6, 9,10, 11, 12 ở mức độ cao; số 7 ở mức trung bình của chương trình đào tạo..

9. Tiêu hóa

Học phần Tiêu hóa thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. học phần có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy- học song song với nhau. Học phần này sẽ giúp người học bổ xung, cập nhật kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh lý tiêu hóa một cách toàn diện, kể cả bệnh lý tiêu hóa phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học lý thuyết thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá lý thuyết là trắc nghiệm, vấn đáp chuyên đề. Phương pháp dạy - học thực hành là dạy bên giường bệnh và thảo luận ngoài giường bệnh, lượng giá

thực hành bằng phương vấn đáp trên bệnh án dựa theo bảng kiểm, Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2, 3,4,5,6, 9,10, 11, 12 ở mức độ cao; số 7 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

10. Tiết niệu

Học phần tiết niệu thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. học phần có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy- học song song với nhau. Học phần này sẽ giúp người học bổ xung, cập nhật kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh lý tiêu hóa một cách toàn diện, kể cả bệnh lý tiết niệu phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học lý thuyết là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá lý thuyết là trắc nghiệm, vấn đáp chuyên đề. Phương pháp dạy - học thực hành là dạy bên giường bệnh và thảo luận ngoài giường bệnh, lượng giá thực hành bằng phương vấn đáp trên bệnh án dựa theo bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2, 3,4,5,6, 9,10, 11, 12 ở mức độ cao; số 7 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

11. Cơ xương khớp

Học phần cơ xương khớp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. học phần có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy- học song song với nhau. Học phần này sẽ giúp người học bổ xung, cập nhật kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh lý tiêu hóa một cách toàn diện, kể cả bệnh lý cơ xương khớp phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học lý thuyết là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá lý thuyết là trắc nghiệm, vấn đáp chuyên đề. Phương pháp dạy - học thực hành là dạy bên giường bệnh và thảo luận ngoài giường bệnh, lượng giá thực hành bằng phương vấn đáp trên bệnh án dựa theo bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2, 3,4,5,6, 9,10, 11, 12 ở mức độ cao; số 7 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

12. Huyết học

Học phần huyết học thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 2 hoặc 3 của CTĐT. học phần có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy- học song song với nhau. Học phần này sẽ giúp người học bổ xung, cập nhật kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh lý huyết học một cách toàn diện. Phương pháp dạy - học lý thuyết là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá lý thuyết là trắc nghiệm, vấn đáp chuyên đề. Phương pháp dạy - học thực hành là dạy bên giường bệnh

và thảo luận ngoài giường bệnh, lượng giá thực hành bằng phương vấn đáp trên bệnh án dựa theo bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2, 3,4,5,6, 9,10, 11, 12 ở mức độ cao; số 7 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

13. Nội tiết

Học phần nội tiết thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 2 hoặc 3 của CTĐT. học phần có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy-học song song với nhau. Học phần này sẽ giúp người học bổ xung, cập nhật kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh lý nội tiết một cách toàn diện. Phương pháp dạy - học lý thuyết là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá lý thuyết là trắc nghiệm, vấn đáp chuyên đề. Phương pháp dạy - học thực hành là dạy bên giường bệnh và thảo luận ngoài giường bệnh, lượng giá thực hành bằng phương vấn đáp trên bệnh án dựa theo bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2, 3,4,5,6, 9,10, 11, 12 ở mức độ cao; số 7 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

14. Lão khoa

Học phần lão khoa thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 2 hoặc 3 của CTĐT. Học phần có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy-học song song với nhau. Học phần này sẽ giúp người học bổ xung, cập nhật kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh lý các bệnh lão khoa. Phương pháp dạy - học lý thuyết là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá lý thuyết là trắc nghiệm, vấn đáp chuyên đề. Phương pháp dạy - học thực hành là dạy bên giường bệnh và thảo luận ngoài giường bệnh, lượng giá thực hành bằng phương vấn đáp trên bệnh án dựa theo bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2, 5, 6, 7, 8, 12 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

15. Thần kinh

Học phần thần kinh thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 2 hoặc 3 của CTĐT. Học phần có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy-học song song với nhau. Học phần này sẽ giúp người học bổ xung, cập nhật kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh lý các bệnh thần kinh. Phương pháp dạy - học lý thuyết là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá lý thuyết là trắc nghiệm, vấn đáp chuyên đề. Phương pháp dạy - học thực hành là dạy bên giường bệnh và thảo luận ngoài giường bệnh, lượng giá thực hành bằng phương vấn đáp trên bệnh

án dựa theo bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2, 3,4,5,6, 9,10, 11, 12 ở mức độ cao; số 7 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

16. Tốt nghiệp

Học phần tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp người học tổng hợp vấn đề cập nhật kiến thức các bệnh lý nội khoa thường gặp, bệnh nội khoa hiếm gặp và phức tạp, phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm. Để học học phần này học viên phải hoàn thành toàn bộ các học phần chuyên ngành. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp phương pháp trắc nghiệm, vấn đáp chằm chuyên đề, vấn đáp bệnh án và quan sát việc thực hiện thủ thuật dựa trên bảng kiểm. Học phần lý thuyết đóng góp vào chuẩn đầu ra số 3,4,5,6, 9,10, 11, 12 ở mức độ cao; số 2, 7 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

17. Luận văn tốt nghiệp

Học phần luận văn chuyên khoa 2 là học phần bắt buộc, có tính đặc thù, được thực hiện qua các bước: xây dựng đề cương, thu thập số liệu, tài liệu tham khảo, xử lý số liệu, viết luận văn, báo cáo bảo vệ luận văn. Để thực hiện được học phần này, học viên cần có giảng viên hướng dẫn và chỉ được bảo vệ khi đã hoàn thành toàn bộ học phần chuyên ngành. Thời gian thực hiện liên tục từ kỳ 2 của CTĐT. Học viên cần đạt học phần tốt nghiệp trước khi bảo vệ luận văn. Học phần này đáp ứng chuẩn đầu ra số 2,3,4,5,6,7,9,10,12 ở mức độ cao; số 8 ở mức trung bình của CTĐT.

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo





Đội ngũ giảng viên gồm có hơn 30 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó bộ môn Nội có hơn 10 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó có 6 phó giáo sư - TS, 3 tiến sĩ – GVC và các BS có trình độ CKII, tiến sĩ công tác tại các bệnh viện thực hành là giảng viên kiêm nhiệm. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thí nghiệm, bệnh viện thực hành như Bệnh viện Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và các bệnh viện thực hành khác của nhà trường

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho học viên BSCK II. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến

từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn). Các bệnh viện thực hành của Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên khá đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực...đáp ứng được yêu cầu đào tạo Bác sĩ CKII.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu:

XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Viết lại Bản mô tả chương trình đào tạo theo mẫu ban hành kèm theo QĐ số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021	21/4/2021	 Dương Hồng Thái	 Dương Hồng Thái
2	Sửa lại Bản mô tả CTĐT (mục tiêu, CDR) theo CV số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021	11/2021	 Dương Hồng Thái	 Dương Hồng Thái

XVI. Thành phần phê duyệt

Ban Giám hiệu

Hội đồng Khoa/Bộ môn

**Tổ trưởng xây dựng/
rà soát**



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

PGS.TS Dương Hồng Thái

PGS.TS Dương Hồng Thái

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA II CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022